

Bản án số: 21/2019/HS-ST
Ngày 05- 4- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Long - Nghề nghiệp: Giáo viên – Trường tiêu học Nguyễn Tri Phương, thành phố Kon Tum;

2/ Ông Trương Quang Ngọc - Nghề nghiệp: Chuyên viên – Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Kon Tum;

- Thư ký phiên tòa: Bà Rô Lan Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2019/TLST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ A T, sinh ngày 25/6/2001 tại tỉnh Kon Tum; nơi cư trú: Thôn P, Phường Q, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Bahnar; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A T2 (đã chết) và bà Y T3; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 14/6/2017 bị Công an thành phố Kon Tum ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo do thực hiện hành vi “Cướp giật tài sản” vào ngày 01/3/2017.

Ngày 25/10/2018 bị Cơ quan cảnh sát điều tra (CQ CSĐT) Công an thành phố Kon Tum áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, sau đó bỏ trốn nên CQ CSĐT Công an thành phố Kon Tum ra Quyết định truy nã số 07/QĐ-CSĐT-ĐTHS ngày 11/12/2018. Ngày 17/12/2018 bị bắt theo Quyết định

truy nã và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/12/2018 cho đến nay. (Có mặt)

- **Người đại diện hợp pháp của bị cáo:** bà Y T3, sinh năm 1972 (Là mẹ);
Nơi cư trú: Thôn P, Phường Q, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. (Có mặt)

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Hoàng Minh T4 – Luật sư, Văn phòng Luật sư Minh T4 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kon Tum. (Có mặt)

2/ A M, sinh ngày 04/9/1997 tại tỉnh Kon Tum; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Rơ ngao; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A M1 và bà Y X; tiền án: 01, bị Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum xử phạt 10 (mười) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo bản án số 14/2018/HS-ST ngày 28/8/2018; tiền sự: 01, ngày 09/10/2018 bị Công an huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 750.000đ về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Kon Tum từ ngày 09/10/2018 cho đến nay. (Có mặt)

3/ A H, sinh ngày 15/9/2000 tại tỉnh Kon Tum; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Rơ ngao; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A Y và bà Y K; tiền án: 01, bị Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 09 (chín) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo bản án số 14/2018/HS-ST ngày 28/8/2018; tiền sự: 01, ngày 09/10/2018 bị Công an huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.125.000đ về hành vi “Tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Kon Tum từ ngày 09/10/2018 cho đến nay. (Có mặt)

- **Người bị hại:** Anh Nguyễn Văn K1, sinh năm 1999;

Nơi cư trú: Tổ 2, Phường Trần Hưng Đạo, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Nguyễn Văn M2, sinh năm 1970;

Nơi cư trú: Tổ 2, Phường Trần Hưng Đạo, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. (Vắng mặt)

2/ Chị Y N, sinh năm 1985;

Nơi ĐKKHTT: Thôn 8, xã Đăk La, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

Hiện trú tại: Thôn 7, xã Đăk La, huyện Đăk Hà, Kon Tum. (Vắng mặt)

3/ Bà Y L (tên gọi khác: Y H2), sinh năm 1972;

Nơi cư trú: Thôn 8, xã Đăk La, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. (Vắng mặt)

- **Người làm chứng:** A N2 (tên gọi khác: A N3), sinh ngày 01/10/2001; (Vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của A N2 là ông A N4; (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn PleiGroi, xã Chư Hreng, thành phố Kon Tum, tỉnh KonTum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 06/8/2018, A T đi bộ từ nhà mình đến các đường trên địa bàn thành phố Kon Tum để tìm kiếm tài sản trộm cắp. Khi đi đến đoạn đường Đồng Đa, Phường Quang Trung, thành phố Kon Tum, A T phát hiện 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, kiểu dáng Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát (BKS) 82B1-178.55 của anh Nguyễn Văn K1 (mượn của cha ruột là ông Nguyễn Văn M2) đang dựng trước số nhà 298 Đồng Đa, Phường Quang Trung, thành phố Kon Tum nhưng không có ai trông coi. Khi lại gần, thấy trên xe có chìa khóa nên A T bật khóa nổ máy xe mô tô và điều khiển xe về nhà cất giấu. Đến chiều cùng ngày, A T điều khiển xe mô tô trộm cắp được đến nhà A N2 (tên gọi khác A N3) là bạn mới quen, A T nói với A N2 là cho A T BKS 82K6-8697 nhưng không nói cho A N2 biết là A T dùng BKS 82K6-8697 để thay vào xe vừa trộm cắp được. Sau đó, A T chạy xe đến một bãi đất trống thuộc xã Chư Hreng, thành phố Kon Tum, A T tháo BKS của xe và thay bằng BKS 82K6-8697. Đến ngày 07/8/2018, A T điều khiển xe mô tô đến thôn Đăk Wók, xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum gặp A H để bán xe với giá 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) và nói xe không có giấy tờ. Mặc dù A H biết xe do A T trộm cắp mà có nhưng có ý định muốn mua, tuy nhiên vì không đủ tiền nên A H điều khiển xe gặp A M để hỏi bán xe với giá 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*). A M biết xe không có giấy tờ, còn mới và bán giá rẻ nên biết đây là xe do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua. Sau khi A M giao đủ số tiền số tiền trên, A H đưa hết cho A T, A T đưa cho A H 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) nhưng A H đưa lại và nhờ A T mua cho mình ma túy đá. A T chưa mua được ma túy, toàn bộ số tiền bán xe A T đã tiêu xài cá nhân hết. A M sử dụng chiếc xe mô tô trên làm phương tiện đi lại đến ngày 09/8/2018 thì bị Công an huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum lập biên bản tạm giữ xe.

Bản kết luận định giá số: 54/ĐG-TS ngày 24/9/2018 của Hội đồng định

giá trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum đã kết luận giá trị còn lại của 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, kiểu dáng Sirius, màu đỏ đen, BKS 82B1-178.55, số máy 5C641084136, số khung 641DY084116, mua và sử dụng vào năm 2014 là 14.600.000đ (Mười bốn triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Kon Tum đã thu giữ và xử lý vật chứng như sau: trả lại cho ông Nguyễn Văn M2 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, kiểu dáng Sirius, màu đỏ đen, số máy 5C641084136, số khung 641DY084116; chuyển 01 (một) biển số xe 82K6-8697 để Tòa án quyết định xử lý.

Bản cáo trạng số 23/CT-VKSTPKT ngày 18/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum đã truy tố bị cáo A T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, truy tố các bị cáo A H, A M về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 91 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo A T từ 06 tháng đến 09 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 91 của Bộ luật Hình sự năm 2015 phạt bị cáo A H từ 06 tháng đến 09 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 phạt bị cáo A M từ 09 tháng đến 12 tháng tù; tổng hợp hình phạt của bản án này với bản án số 14/2018/HS-ST ngày 28/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum đối với bị cáo A H, A M. Về xử lý vật chứng: đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) biển số xe 82K6-8697, buộc bị cáo A T phải nộp số tiền 4.000.000đ do phạm tội mà có vào ngân sách nhà nước. Người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu về mặt trách nhiệm dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, không tự bào chữa cho hành vi của mình và không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, riêng bị cáo A M không yêu cầu bị cáo A T trả lại số tiền 4.000.000đ đã dùng để mua xe trộm cắp nên Hội đồng xét xử không xem xét. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo là người chưa thành niên phạm tội theo Bộ luật Hình sự năm 2015 và xin mức án nhẹ cho bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ

hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Khoảng 12 giờ ngày 06/8/2018, A T đi bộ đến các đường thuộc địa bàn thành phố Kon Tum để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến trước số nhà 298 đường Đồng Đa, Phường Quang Trung, thành phố Kon Tum, phát hiện có 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, kiểu dáng Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát (BKS) 82B1-178.55 của anh Nguyễn Văn K1 (mượn của cha ruột là ông Nguyễn Văn M2) không có ai trông coi nên đã lén lút bật khóa nổ máy xe và điều khiển xe về nhà cất giấu. Đến ngày 07/8/2018, bị cáo A T đem xe trộm cắp được đến bán cho bị cáo A H với giá 4.000.000đ. Mặc dù bị cáo A H biết xe trộm cắp mà có nhưng có ý định muốn mua, vì không đủ tiền nên bị cáo A H điều khiển xe gặp bị cáo A M để hỏi bán xe với giá 4.000.000đ. A M biết xe không có giấy tờ, còn mới và bán giá rẻ nên biết đây là xe do trộm cắp mà có nên đồng ý mua. Sau khi A M giao đủ số tiền số tiền trên, A H đưa hết cho A T, A T đưa cho A H 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) nhưng A H đưa lại và nhờ A T mua cho mình ma túy đá. A T chưa mua được ma túy, toàn bộ số tiền bán xe A T đã tiêu xài cá nhân hết.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như vật chứng đã được thu giữ, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm. Bị cáo A T đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nhưng lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, cố ý thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản trị giá 14.600.000 đ. Hành vi của bị cáo A T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo A H, A M biết được chiếc xe do trộm cắp mà có, bị cáo A H không có tiền nhưng vẫn đem chiếc xe để tìm bị cáo A M tiêu thụ nhằm lấy tiền mua ma túy, bị cáo A M vì ham rẻ nên đã mua xe. Hành vi đó của bị cáo A H, A M đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1

Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, cáo trạng số 23/CT-VKSTPKT ngày 18/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum đã truy tố các bị cáo đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[4] Về nhân thân: Bị cáo A T đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi “Cướp giật tài sản”; các bị cáo A H, A M sau khi thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản”, “Tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có” nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới, sau đó còn bị xử phạt hành chính về các hành vi “Tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy” cho thấy các bị cáo có nhân thân xấu.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Ngày 28/8/2018, bị cáo A H bị Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 09 (chín) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, bị cáo A M bị xử phạt 10 (mười tháng tù) về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, các bị cáo bị xử phạt sau khi thực hiện hành vi phạm tội nên không áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm cho các bị cáo.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Riêng bị cáo A T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo A T còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[7] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Xét hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của người bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, xã hội tại địa phương. Các bị cáo đều có nhân thân xấu, không biết rèn luyện bản thân, lao động chân chính mà thực hiện hành vi trộm cắp, tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có. Vì vậy, hành vi của các bị cáo là gây nguy hiểm cho xã hội, cần phải xử phạt các bị cáo hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội nhằm tiếp tục cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, biết tôn trọng pháp luật.

[8] Các bị cáo A T, A H thực hiện hành vi phạm tội khi dưới 18 tuổi (bị cáo A T phạm tội khi 17 tuổi 01 tháng 12 ngày, bị cáo A H phạm tội khi 17 tuổi 11 tháng 23 ngày) nên cần áp dụng Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét, quyết định hình phạt cho các bị cáo.

[9] Các bị cáo A H, A M đang chấp hành bản án số 14/2018/HS-ST ngày 28/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum nên Tòa án sẽ tổng hợp với hình phạt của bản án này để các bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là hoàn toàn có căn cứ đúng pháp luật.

[10] Về vật chứng:

[10.1] Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, kiểu dáng Sirius, màu đỏ đen, số máy 5C641084136, số khung 641DY084116, CQ CSĐT đã trả lại cho chủ sở hữu ông Nguyễn Văn M2 là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10.2] Đối với 01 (một) biển số xe 82K6-8697, qua xác minh phương tiện giao thông cho thấy chủ sở hữu xe mô tô mang BKS 82K6-8697 là chị Y N. Trong quá trình điều tra, chị Y N khai nhận đã bán chiếc xe này cho chị Y L. Sau khi sử dụng đã làm rơi biển số xe, xe cũng bị hư hỏng nặng nên chị Y L đã bán chiếc xe này cho một người chuyên thu mua phế liệu mà chị không biết tên. Bị cáo A T khai đã nhặt biển số xe này tại nhà A N2. A N2 khai nhận với CQ CSĐT gia đình đã mua chiếc xe này từ một người đàn ông không biết tên, nay đã bán đồng nát; lời khai này của A N2 là không có căn cứ và không phù hợp với lời khai của bà Y N, Y L. Hội đồng xét xử xét thấy bà Y N, Y L đã từ bỏ quyền sở hữu của mình đối với chiếc xe mô tô mang BKS 82K6-8697, hiện nay không xác định được chủ sở hữu vì xe đã không còn sử dụng và bán sắt vụn, đồng thời đây là vật chứng không có giá trị nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[10.3] Đối với BKS 82B1-178.55 CQ CSĐT đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm thấy được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) bị cáo A T có được do phạm tội mà có nên buộc bị cáo A T phải nộp số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) vào ngân sách nhà nước. Tuy nhiên bị cáo A T dưới 18 tuổi, không có tài sản riêng, bà Y T3 là người đại diện hợp pháp của bị cáo đồng ý nhận nộp thay. Vì vậy bà Y T3 có nghĩa vụ nộp thay cho bị cáo số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) vào ngân sách nhà nước là có căn cứ.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn M2 đã được nhận lại chiếc xe, những người tham gia tố tụng khác không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về mặt trách nhiệm dân sự. Tại phiên tòa, bị cáo A M không yêu cầu bị cáo A T trả lại cho mình số tiền 4.000.000đ nên Hội đồng không xem xét.

[13] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo A T là người chưa thành niên và không có tài sản riêng, bà Y T3 đồng ý nhận nộp thay cho bị cáo nên bà Y T3 phải nộp thay cho bị cáo 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo A T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Tuyên bố các bị cáo A H, A M phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác

phạm tội mà có”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo A T **08**(Tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam, ngày 17/12/2018.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo A H **08**(Tám) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 08 (Tám) tháng tù của bản án này với hình phạt 15 (Mười lăm) tháng tù tại bản án số 14/2018/HS-ST ngày 28/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum, buộc bị cáo A H phải chấp hành hình phạt chung là **23** (Hai mươi ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/10/2018.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo A M **10** (Mười) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 10 (Mười) tháng tù của bản án này với hình phạt 10 (Mười) tháng tù tại bản án số 14/2018/HS-ST ngày 28/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum, buộc bị cáo A M phải chấp hành hình phạt chung là **20** (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/10/2018.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) biển số xe 82K6-8697; (Theo như Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20/02/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Kon Tum và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum).

Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015,

Buộc bị cáo A T phải nộp lại số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) vào ngân sách nhà nước. Bị cáo A T là người chưa thành niên và không có tài sản riêng nên người đại diện hợp pháp của bị cáo là bà Y T3(là mẹ) phải nộp thay cho bị cáo.

Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Buộc mỗi bị cáo A T, A H, A M phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo A T là người chưa thành niên và không có

tài sản riêng nên người đại diện hợp pháp của bị cáo là bà Y T3(là mẹ) phải nộp thay cho bị cáo.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/4/2019) các bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp của bị cáo, được quyền kháng cáo theo trình tự phúc thẩm. Riêng người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND thành phố Kon Tum;
- Công an thành phố Kon Tum;
- Chi cục THA DS thành phố Kon Tum;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh Kon Tum;
- Trại Tạm giam CA tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Pho